

Bản án số: 317/2025/HS-PT

Ngày: 07 - 5 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhật Bình

Các Thẩm phán:

Ông Phan Văn Yên

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2025/TLPT-HS ngày 24 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo Phạm Tấn P. Do có kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Trần Hồng U, ông Lê Công T và bà Ngô Thị Kim L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 80/2024/HS-ST ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: Phạm Tấn P, (tên gọi khác: không có); giới tính: Nam, sinh ngày 18/10/1967. Nơi sinh: tại tỉnh Bến Tre. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có. Nghề nghiệp: kinh doanh, trình độ học vấn: 12/12. Con ông Phạm Tấn S và bà Phạm Thị N (đã chết). Có vợ tên Mai Thị Vân A (đã ly hôn) và 02 người, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2008.

Nhân thân: Ngày 13/3/2014, chấp hành án 04 năm tù tại Trại giam B2, tỉnh Vĩnh Long, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2015/HSST ngày 13/5/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 15/6/2015, thi hành xong án phí và bồi thường thiệt hại, chấp hành xong hình phạt ngày 13/8/2017.

Tiền án, tiền sự: không có. Bị bắt tạm giam từ ngày 21/12/2023 đến nay; (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án chỉ định:* Luật sư Nguyễn Trọng N1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Ông Lê Công T, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh

2/ Bà Trần Hồng U, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số E đường C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

3/ Bà Ngô Thị Kim L, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L: Luật sư Nguyễn Thị H – Chi nhánh Văn phòng L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 02/2022, Phạm Tấn P quen biết với ông Phạm Ngọc V, sinh năm 1974, ngụ đường L, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. P thỏa thuận với ông V về việc góp vốn mua bán đất tại khu vực tỉnh Tây Ninh, theo đó: về tỷ lệ vốn góp, P góp 1/3, ông V góp 2/3; V có nhiệm vụ định hướng vị trí đất rồi báo cho P khảo sát thực tế, kiểm tra diện tích, tính pháp lý của thửa đất, thỏa thuận giá cả và ký hợp đồng đặt cọc mua bán với người đứng tên quyền sử dụng đất; khi đến hạn chuyển nhượng, ông V đến tỉnh Tây Ninh thực hiện công chứng sang tên; chờ khi giá trị thửa đất tăng sẽ bán lại và chia tiền lời theo tỷ lệ góp vốn. Sau đó, ông V rủ thêm ông Nguyễn Phương B, sinh năm 1982, ngụ số B, đường E, tổ E, khu phố H, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, cùng hùn vốn với mình và ông B là người trực tiếp chuyển tiền góp vốn vào tài khoản của P. P và ông V, ông B thỏa thuận tỷ lệ góp vốn: Phương 50%, ông V và ông B 50%.

Quá trình hợp tác kinh doanh, mỗi khi thỏa thuận mua bán xong với người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc người được ủy quyền, qua ứng dụng Zalo, P gửi các thông tin về thửa đất, giá cả mua bán, vị trí, hiện trạng... của thửa đất cho ông V, ông B biết. Lúc này, do cần tiền sử dụng cá nhân nên P lợi dụng sự tin tưởng của ông V, ông B, đã dùng thủ đoạn nâng giá mua bán thửa đất; nâng số tiền đặt cọc lên cao hơn thực tế số tiền Phương đã đặt cọc hoặc lập không hợp đồng đặt cọc để ông V, ông B tin tưởng và chuyển tiền cho P theo tỷ lệ vốn góp đã thỏa thuận, để P chiếm đoạt tiền của ông V, ông B. Cụ thể, P viết lại hợp đồng đặt cọc, nâng số tiền mua bán, nâng số tiền đặt cọc hoặc lập không hợp đồng đặt cọc, P ký tên người mua và nhờ người khác ký tên,

lăn tay người bán, người làm chứng vào hợp đồng đặt cọc. Khi viết xong hợp đồng đặt cọc, P chụp ảnh hợp đồng rồi gửi qua Zalo cho ông V, ông B xem. Tin vào những thông tin P cung cấp, ông V, ông B chuyển tiền góp vốn vào số tài khoản 330057576868 của P mở tại Ngân hàng S2. Với thủ đoạn trên, từ ngày 17/02/2022 đến ngày 04/03/2022, P đã chiếm đoạt của ông Phạm Ngọc V và ông Nguyễn Phương B tổng số tiền 3.350.000.000 đồng, cụ thể:

1. Đối với thửa đất số 2, tờ bản đồ số 59, diện tích 9999,6 m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh do bà Võ Thị H1, sinh năm 1951, ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Ngày 17/02/2022, P được bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1980, ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh dẫn đi xem thửa đất của bà H2 đã mua của bà Võ Thị H1. P và bà H2 thỏa thuận giá mua bán thửa đất là 750.000.000 đồng, đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng. Phương gửi các thông tin về thửa đất qua Zalo cho ông V và báo giá mua thửa đất là 850.000.000 đồng, ông V đồng ý góp vốn và nhờ bà Phạm Thị Lệ T1 (là chị ruột của ông V) chuyển số tiền 550.000.000 đồng vào tài khoản số 330057576868 của P vào chiều ngày 17/02/2022.

Ngày 25/02/2022, P đến Ngân hàng S2 – Chi nhánh huyện T rút số tiền 300.000.000 đồng và gặp bà H2 lập hợp đồng mua bán viết tay, giao 200.000.000 đồng tiền đặt cọc cho bà H2, còn lại 100.000.000 đồng, P sử dụng cá nhân. Để tạo lòng tin với ông V, P nói dối với ông V là "Đã bán lướt sóng" thửa đất, lời được 100.000.000 đồng; P đang giữ 600.000.000 đồng của ông V (gồm 550.000.000 đồng tiền gốc và 50.000.000 đồng tiền lời).

Ngày 08/3/2022, 03 lần P sử dụng số tài khoản 330057576868 chuyển 550.000.000 đồng vào số tài khoản 5707205223805 của bà Nguyễn Thị H2 để hoàn tất hợp đồng mua bán thửa đất. Sau đó, P yêu cầu bà H2 giao lại 20.000.000 đồng tiền mặt, để đến khi thực hiện xong chuyển nhượng sẽ trả lại cho bà H2.

Đến khoảng cuối năm 2023, P chuyển nhượng thửa đất này cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H3, sinh năm 1964, ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh với số tiền là 820.000.000 đồng. Sau đó, bà H3 ủy quyền cho vợ chồng ông bà Đào Thanh L1, Dương Thị Kiều O, ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh đứng tên quyền sử dụng đất.

2. Đối với các thửa đất do bà Phạm Thị G, ông Cao Văn Tài T2 và ông Nguyễn Văn T3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

2.1. Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 46, diện tích 11.761,8 m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh của bà Phạm Thị G, sinh năm 1950, ngụ ấp T, xã T, huyện T.

Vào cuối tháng 02/2022, bà Phạm Thị G nhờ ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964, ngụ ấp T, xã T, huyện T, bán giùm thửa đất nêu trên. Ông C dẫn P xem vị trí, hiện trạng thửa đất. P đồng ý mua giá 700.000.000 đồng và lập Hợp đồng đặt

cọc, giao ông C tiền cọc 100.000.0000 đồng. Sau đó, P gửi các thông tin về thửa đất qua Zalo cho ông V, ông B, báo giá tiền mua thửa đất là 880.000.000 đồng. P viết lại Hợp đồng đặt cọc mua thửa đất của bà G, đề ngày 25/02/2022, giá mua bán là 880.000.000 đồng, phương thức và điều kiện thanh toán: lần 1 ngày 25/02/2022 số tiền 440.000.000 đồng, lần 2 ngày 04/3/2022 số tiền 440.000.000 đồng, bên mua là Phạm Tấn P, bên bán là Phạm Thị G, người làm chứng là Nguyễn Văn C, rồi nhờ ông C ký tên bên bán, lấn tay người làm chứng, do không biết chữ nên ông C làm theo hướng dẫn của P. P chụp hình Hợp đồng đặt cọc này gửi qua Z cho ông V để ông Văn T4 và chuyển tiền cho P.

Sau đó, đến ngày hẹn sang tên nhưng P không thực hiện nên bà G không đồng ý bán, ông C đã trả tiền đặt cọc 100.000.000 đồng cho P. Hiện tại, thửa đất 47 vẫn do bà Phạm Thị G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.2. Thửa đất số 61, tờ bản đồ số 63, diện tích 10.000,2 m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh của ông Cao Văn Tài T2, sinh năm 1967, ngụ ấp T, xã T, huyện T.

Vào cuối tháng 02/2022, ông T2 giao ông C môi giới bán thửa đất số 61 của ông T2. Ông C giới thiệu và dẫn P xem đất nhưng P không đồng ý mua. Tuy không mua nhưng P có được thông tin về thửa đất của ông T2 nên gửi qua Zalo cho ông V, báo giá tiền mua thửa đất là 1.450.000.000 đồng. P viết Hợp đồng đặt cọc mua thửa đất đề ngày 25/02/2022, tổng giá bán 1.450.000.000 đồng, phương thức và điều kiện thanh toán: lần 1 ngày 25/02/2022 số tiền 725.000.000 đồng, lần 2 ngày 04/3/2022 số tiền 725.000.000 đồng, bên mua là Phạm Tấn P, bên bán là Cao Văn Tài T2, người làm chứng là Nguyễn Văn C rồi nhờ những người không rõ họ tên, nhân thân, có mặt tại quán cà phê khu vực ngã tư C, huyện T, ký tên, lấn tay người làm chứng và bên bán. P chụp hình Hợp đồng đặt cọc này gửi qua Z cho ông V để ông Văn T4 và chuyển tiền cho P.

2.3. Thửa đất số 68, tờ bản đồ số 45, diện tích 9990,8 m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh của ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1947, ngụ ấp T, xã T, huyện T.

Ông Tâm giao ông C môi giới bán thửa đất số 68 với giá 650.000.000 đồng. Ông C dẫn P xem đất và đồng ý mua giá 650.000.000đ, đặt cọc cho ông T3 100.000.000 đồng. Phương gửi các thông tin về thửa đất qua Zalo cho ông V và báo giá tiền mua thửa đất là 800.000.000 đồng. Sau đó, P viết Hợp đồng đặt cọc mua thửa đất của ông T3, đề ngày 25/02/2022, giá trị 800.000.000 đồng, phương thức và điều kiện thanh toán: lần 1 ngày 25/02/2022 số tiền 400.000.000 đồng, lần 2 ngày 04/3/2022 số tiền 400.000.000 đồng, bên mua là Phạm Tấn P, bên bán là Nguyễn Văn T5 và người làm chứng là Nguyễn Văn C, nhờ ông C ký tên bên bán và lấn tay người làm chứng. Do không biết chữ nên ông C làm theo hướng dẫn của P.

Ngày 04/3/2022, P giao đủ số tiền nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T5 và tiến hành công chứng, sang tên quyền sử dụng đất. Đến khoảng tháng

6/2022, P chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 68 cho ông Lê Công T, sinh năm 1963, ngụ ấp T, xã T, huyện T với giá 650.000.000 đồng. Ông T trả trước 350.000.000 đồng, đến nay, còn nợ P 300.000.000 đồng.

Đối với 03 thửa đất nêu trên của bà Phạm Thị G, ông Cao Văn Tài T2 và ông Nguyễn Văn T3: ngày 26/02/2022, P gửi qua Zalo cho ông V, ông B thông tin về 03 thửa đất, thông báo tổng số tiền mua 03 thửa đất là 3.130.000.000 đồng, gửi kèm 03 Hợp đồng đặt cọc do P viết. Tin tưởng P nên ông V, ông B đã đồng ý góp vốn. Do trước đó P báo đã bán thửa đất có nguồn gốc mua của bà Nguyễn Thị H2, thu được tổng số tiền vốn và tiền lãi của ông V là 600.000.000 đồng nên ông V, ông B chuyển vào tài khoản 330057576868 của P số tiền là 1.000.000.000 đồng vào chiều ngày 26/02/2022. Như vậy, tổng số tiền Phương chiếm đoạt của ông V, ông B là 1.600.000.000 đồng.

3. Đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 13, diện tích 8.712,1 m², tọa lạc tại xã B, huyện D, do bà Nguyễn Xuân Á, sinh năm 1981, ngụ số B, Huỳnh Văn B1, phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do cần bán thửa đất số 180 với giá tiền 3.750.000.000 đồng nên bà Á nhờ bà Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1979, ngụ Khu phố C, Phường B, thành phố T tìm người mua. Ngày 01/3/2022, thông qua ông Trần Trí D1, sinh năm 1975, ngụ ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh, P gặp bà D và thỏa thuận mua với giá 3.750.000.000 đồng, lập Hợp đồng đặt cọc và chuyển khoản số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng cho bà D. Phương gửi các thông tin về thửa đất cho ông V qua Zalo và nói dối giá mua thửa đất là 4.300.000.000 đồng. P viết lại Hợp đồng đặt cọc đề ngày 28/02/2022, giá mua bán 4.300.000.000 đồng, phương thức và điều kiện thanh toán: lần 1 ngày 28/02/2022 số tiền 1.800.000.000 đồng, lần 2 ngày 19/3/2022 số tiền 2.500.000.000 đồng, bên mua là Phạm Tấn P, bên bán là Nguyễn Xuân Á, người làm chứng là Trần Trí D1 rồi ký tên bên mua và nhờ người chạy xe honda ôm tại quán cà phê, P không nhớ tên, tại Thành phố Hồ Chí Minh, ký tên bên bán và ký tên, lấn tay người làm chứng. Sau đó, P chụp hình Hợp đồng đặt cọc này gửi qua Zalo cho ông V, ông B xem. Sau khi xem thông tin về thửa đất và Hợp đồng đặt cọc của P gửi, ông V, ông B đồng ý góp vốn và ông B chuyển 800.000.000 đồng vào số tài khoản 330057576868 của P vào ngày 01/3/2022.

Đến ngày 21/3/2022, do không thanh lý được hợp đồng nên P gặp bà Á tại thành phố T để gia hạn, ký Hợp đồng đặt cọc mới đề ngày 21/3/2022, tổng giá mua bán 3.750.000.000 đồng, phương thức và điều kiện thanh toán: lần 1 ngày 21/3/2022 số tiền 400.000 đồng, lần 2 ngày 28/3/2022 số tiền 3.350.000.000 đồng. P chuyển khoản tiền đặt cọc cho bà Á thêm 300.000.000 đồng theo Hợp đồng đặt cọc mới. Sau đó, do P không thanh lý được hợp đồng đã ký với bà Á vào ngày 21/3/2022 nên bị mất số tiền đã đặt cọc là 400.000.000 đồng. Hiện tại, thửa đất số 180 do ông Trần Minh N2, sinh năm 1979, ngụ khu phố D, phường

C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh đứng tên sử dụng, nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Xuân Á.

4. Đối với các thửa đất số 54, 583, 49, 784, tờ bản đồ số 9, diện tích 31.346 m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, do ông Nguyễn Thành K, sinh năm 1955 và vợ là Quách Thị Ngọc S1, sinh năm 1954, ngụ khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vào cuối năm 2021, bà Phan Thị Cẩm H4, sinh năm 1987, ngụ ấp E, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ký hợp đồng đặt cọc mua 06 ha đất tại khu vực thị trấn T và xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh của ông K và bà S1 với số tiền 1.000.000.000 đồng/01 ha, trong đó có các thửa đất số 54, 583, 49, 784. Sau đó, bà H4 tìm người bán lại các thửa đất số 54, 583, 49, 784 với số tiền 4.100.000.000 đồng. Thông qua anh Võ Duy H5, sinh năm 1982, ngụ ấp T, xã T, huyện T, P đồng ý mua 04 thửa đất của bà H4 với giá 4.100.000.000 đồng. Ngày 03/3/2022, P nhờ ông H5 lập Hợp đồng đặt cọc, với người làm chứng là ông H5 và bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1975, ngụ khu phố F, thị trấn T, huyện T, bên bán là bà H4; P chuyển khoản tiền đặt cọc 400.000.000 đồng cho bà H4, hẹn đến ngày 19/3/2022 giao hết số tiền còn lại.

Ngày 04/3/2022, P gặp và nói dối với ông H5, bà T6 là đã bán sang tay lại các thửa đất này cho người nhà là ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1951, ngụ ấp T, xã T, huyện T nhưng có người quen với P nói các thửa đất sẽ tăng giá nên rủ P hùn tiền mua lại, do đó P nhờ ông H5 viết lại Hợp đồng đặt cọc theo hướng dẫn của P có nội dung đề ngày 01/3/2022, người bán là ông Hồ Văn Đ, người mua là Phạm Tấn P, tổng giá bán là 4.950.000.000 đồng, phương thức và điều kiện thanh toán: lần 1 ngày 03/3/2022 số tiền 2.000.000.000 đồng, lần 2 ngày 19/3/2022 số tiền 2.950.000.000 đồng, ông H5 bà T6 ký tên người làm chứng. Sau đó, P chụp hình Hợp đồng đặt cọc này gửi qua Zalo cho ông V, ông B xem. Do tin tưởng P nên sau khi xem thông tin về thửa đất và Hợp đồng đặt cọc, ông V, ông B đồng ý góp vốn và ông B chuyển 1.000.000.000 đồng vào tài khoản 330057576868 của P vào ngày 04/3/2022.

Đến ngày 19/3/2022, ông V, ông B đến Văn phòng C1, số F, Đường P, thị trấn T, huyện T để thực hiện thủ tục công chứng sang tên, lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng các thửa đất số 54, 583, 49, 784 với bà T6 (bà H4 ủy quyền cho bà T6) nhưng P không đến, đồng thời bà T6 chưa nhận đủ số tiền chuyển nhượng nên không ký hợp đồng chuyển nhượng với ông V, ông B. Lúc này, ông V, ông B phát hiện bị P lừa đảo nên yêu cầu trả tiền nhưng P cố tình tránh né, không trả tiền. Đối với số tiền 400.000.000 đồng, do P không thanh lý hợp đồng đã ký với bà H4 vào ngày 03/3/2022 nên bị mất số tiền cọc 400.000.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt của ông V và ông B, P sử dụng như sau:

- Nhận chuyển nhượng thửa đất số 2, tờ bản đồ số 59, diện tích 9999,6 m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T của bà Nguyễn Thị H2 với số tiền 730.000.000 đồng (đất do bà Võ Thị H1 đứng tên).

- Đặt cọc 400.000.000 đồng mua thửa đất số 180, tờ bản đồ số 13, diện tích 8.712,1 m², tọa lạc tại ấp N, xã B, huyện D, do bà Nguyễn Xuân Á đứng tên, số tiền đặt cọc bị mất do không thanh lý được hợp đồng.

- Đặt cọc 170.000.000 đồng mua thửa đất số 107, tờ bản đồ số 70, diện tích 421,5m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, do ông Nguyễn Hữu T7, sinh năm 1984, ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, đứng tên, số tiền đặt cọc bị mất do không thanh lý được hợp đồng.

- Đặt cọc 400.000.000 đồng mua các thửa đất số 54, 583, 49, 784, tờ bản đồ số 9, diện tích 31.346 m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T của bà Phan Thị Cẩm H4 đất này do vợ chồng Nguyễn Thành K1 và vợ là Quách Thị Ngọc S1 đứng tên chuyển nhượng cho bà H4, bà H4 chuyển nhượng cho bị cáo) số tiền đặt cọc bị mất do không thanh lý được hợp đồng.

- Đặt cọc 100.000.000 đồng mua thửa đất của bà Phạm Thị L2, sinh năm 1963, ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ mới tại Lô B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh) với số tiền 100.000.000 đồng, số tiền đặt cọc bị mất do không thanh lý được hợp đồng.

- Mua lại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 45, diện tích 9990,8 m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, do ông Nguyễn Văn T5 đứng tên, với số tiền 650.000.000 đồng, sau đó bán lại cho ông Lê Công T cũng giá 650.000.000 đồng, ông T trả 350.000.000 đồng, còn nợ bị cáo 300.000.000 đồng.

- Trả cho bà Trần Hồng U, sinh năm 1971, ngụ số E đường C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh 425.000.000 đồng mà P vay trước đó.

- Trả cho bà Ngô Thị Kim L, sinh năm 1975, ngụ Khu phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh số tiền 843.299.000 đồng mà P vay trước đó.

Quá trình điều tra vụ án, Phạm Tấn P thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ sự việc trên.

* Cáo trạng số 31/CT-VKSTN-P3 ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo: Phạm Tấn P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 80/2024/HS-ST ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Tấn P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Tấn P 15 (mười lăm) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/12/2023.

2. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Các biện pháp tư pháp:

3.1. Trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

3.1.6. Buộc ông Lê Công T phải có nghĩa vụ nộp lại số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng;

3.1.7. Buộc bà Trần Hồng U phải có nghĩa vụ nộp lại số tiền 425.000.000 (bốn trăm hai mươi lăm triệu) đồng;

3.1.8. Buộc bà Ngô Thị Kim L phải có nghĩa vụ nộp lại số tiền 843.299.000 (tám trăm bốn mươi ba triệu hai trăm chín mươi chín nghìn) đồng.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh có trách nhiệm thu số tiền các đương sự gồm bà Trần Hồng U, bà Ngô Thị Kim L, ông Lê Công T phải nộp lại để đảm bảo trách nhiệm thi hành án của bị cáo P đối với bị hại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về các phần trách nhiệm dân sự khác, xử lý vật chứng, án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/01/2025, bị cáo Phạm Tấn P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 30/12/2024, 13/01/2025 và 17/01/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Lê Công T, bà Trần Hồng U và bà Ngô Thị Kim L lần lượt có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm đối với phần trách nhiệm dân sự, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc buộc các ông, bà phải nộp lại các khoản tiền để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo P.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Tấn P thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt do bị đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, bị cáo từng là bộ đội tham gia chiến đấu trong chiến tranh biên giới Tây Nam, được tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng 3 và huân chương chiến công hạng 3, và hiện là lao động chính nuôi cha già gần 80 tuổi.

Người bào chữa cho bị cáo là Luật sư Nguyễn Trọng N1 phát biểu ý kiến: Thống nhất tội danh của bị cáo như bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết bị cáo từng tham gia

chiến trường Campuchia, được tặng huân chương chiến công hạng ba để giảm hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Trần Hồng U vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Lê Công T vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, không buộc ông T phải nộp lại số tiền 300.000.000 đồng vì ông T không có đồng phạm với bị cáo P mà việc chuyển nhượng đất giữa ông T với bị cáo là hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Ngô Thị Kim L vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm đối với phần trách nhiệm dân sự theo hướng không buộc bà L phải nộp lại số tiền 843.299.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ngô Thị Kim L là Luật sư Nguyễn Thị H phát biểu ý kiến: hồ sơ vụ án có 03 ủy nhiệm chi bà L chuyển tiền cho bị cáo trước thời điểm bị cáo nhận tiền của bị hại. Các khoản tiền khác gồm nhiều khoản như bị cáo nhờ bà L trả lãi cho ngân hàng thay cho bị cáo; tiền bảo hiểm; nộp học phí cho con bị cáo; tiền bị cáo trả nợ cho bà L ngay sau khi bà L cho bị cáo vay; tiền bị cáo trả bà L để nhận hàng online do bị cáo đặt. Cấp sơ thẩm không cho bà L đối chứng để làm rõ khoản tiền này mà quy buộc bà L phải trả lại là chưa phù hợp. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L, bà U và ông T kháng cáo phần biện pháp tư pháp về trách nhiệm dân sự nhưng đều không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tòa án triệu tập hợp lệ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là bà Trần Hồng U vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà U.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Tấn P đã thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, qua đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định như sau:

[2.1] Bị cáo P và ông Phạm Ngọc V, ông Nguyễn Phương B hợp tác làm ăn với nhau trong việc mua bán bất động sản, theo đó bị cáo đi xem đất, mua đất ở Tây Ninh rồi gửi thông tin qua mạng Zalo cho ông B, ông V để chuyển tiền đặt cọc mua đất. Bị cáo không có vốn đối ứng, nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại ngay từ đầu thông qua hợp đồng góp vốn. Trong thời gian góp vốn từ ngày 17/02/2022 đến ngày 04/03/2022, P dùng thủ đoạn gian dối, lập không hợp đồng đặt cọc và lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không đúng với thực tế, nâng khống số tiền chuyển nhượng, số tiền đặt cọc đã thỏa thuận với người chủ sử dụng đất và nhiều lần chiếm đoạt của ông Phạm Ngọc V và ông Nguyễn Phương B tổng số tiền 3.350.000.000 đồng.

[2.2] Với hành vi nêu trên, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Tấn P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét thấy, hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội mà còn gây mất trật tự, trị an và an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Khi lượng hình, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có thời gian tham gia quân đội chiến đấu chiến trường Campuchia, quy định điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, từ đó xử phạt bị cáo 15 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất nguy

hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5] Xét kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Quá trình điều tra đã xác định, trong tổng số tiền chiếm đoạt của các bị hại, bị cáo P có sử dụng vào các mục đích sau:

- Mua lại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 45, diện tích 9990,8 m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T do ông Nguyễn Văn T5 đứng tên, với số tiền 650.000.000 đồng, sau đó chuyển nhượng ông Lê Công T giá 650.000.000 đồng, ông T trả 350.000.000 đồng, còn nợ bị cáo P 300.000.000 đồng.

- Trả cho bà Trần Hồng U số tiền 425.000.000 đồng

- Trả cho bà Ngô Thị Kim L số tiền 843.299.000 đồng.

Như vậy, đây là các tài sản có nguồn gốc do phạm tội mà có nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà U, ông T, bà L phải giao nộp lại các tài sản này là đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

Bà U, ông T cho rằng các số tiền nêu trên là giao dịch dân sự riêng giữa các ông, bà với bị cáo P, không có liên quan đến vụ án nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Các đương sự nêu trên có quyền khởi kiện bị cáo P trong một vụ án dân sự khác để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong các giao dịch nêu trên.

Bà L cho rằng các lần bị cáo P chuyển khoản cho bà nhằm nhiều mục đích, như chuyển tiền để bà L trả lãi ngân hàng thay bị cáo, trả tiền thuê nhà cho bà L, trả tiền bà L đặt đồ ăn, đồ dùng sinh hoạt, trả nợ cho bà Liên T8 khoản tiền bà L chuyển cho bị cáo mượn trước đó nhưng ngoài lời trình bày thì bà L cũng không cung cấp được chứng cứ hợp pháp nào khác chứng minh. Hơn nữa, lời khai này của bà L là mâu thuẫn với lời khai của chính bà L trong quá trình điều tra và cũng mâu thuẫn với lời khai của bị cáo xác định các lần bị cáo P chuyển khoản cho bà là để trả nợ số tiền 1.800.000.000 đồng, hiện bị cáo còn nợ bà 1.010.000.000 đồng (BL 426, 432). Hơn nữa, bà L cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền bị cáo sử dụng để trả nợ cho bà không liên quan đến vụ án này nên trình bày của bà L không có căn cứ chấp nhận. Đối với giao dịch vay giữa bị cáo với bà L, bà L có quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác để yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan bà Trần Hồng U, bà Ngô Thị Kim L và ông Lê Công T; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

[10] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Án phí phúc thẩm: Bị cáo Phạm Tấn P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Hồng U, bà Ngô Thị Kim L và ông Lê Công T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Hồng U, bà Ngô Thị Kim L và ông Lê Công T; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 80/2024/HS-ST ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Tuyên xử:

[1] Tuyên bố bị cáo Phạm Tấn P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[2] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Tấn P 15 (mười lăm) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/12/2023.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[3] Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Các biện pháp tư pháp:

[4.1]. Trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

[4.1.1]. Buộc ông Lê Công T phải có nghĩa vụ nộp lại số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng;

[4.1.2]. Buộc bà Trần Hồng U phải có nghĩa vụ nộp lại số tiền 425.000.000 (bốn trăm hai mươi lăm triệu) đồng;

[4.1.3]. Buộc bà Ngô Thị Kim L phải có nghĩa vụ nộp lại số tiền 843.299.000 (tám trăm bốn mươi ba triệu hai trăm chín mươi chín nghìn) đồng.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh có trách nhiệm thu số tiền các đương sự gồm bà Trần Hồng U, bà Ngô Thị Kim L, ông Lê Công T phải nộp lại để đảm bảo trách nhiệm thi hành án của bị cáo P đối với bị hại.

[5] Về án phí phúc thẩm:

[5.1] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Tấn P phải chịu 200.000 đồng.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Hồng U, bà Ngô Thị Kim L và ông Lê Công Tâm H6 mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mỗi người đã nộp theo các biên lai thu số 0000978, 0000979 cùng ngày 20/01/2025 và số 0000968 ngày 06/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Tây Ninh; (2)
- VKSND tỉnh Tây Ninh; (1)
- Công an tỉnh Tây Ninh; (1)
- Sở tư pháp tỉnh Tây Ninh; (1)
- Cục THA DS tỉnh Tây Ninh; (1)
- TTG Công an tỉnh Tây Ninh; (1)
- Đề tổng đạt cho bị cáo; (1)
- NLQ (3)
- Lưu hồ sơ vụ án (1), VP (5). 20b. (PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Nhựt Bình